

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÌN HỒ  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:25/2024/QĐST-HNGĐ

Sìn Hồ, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ các Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2024, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+) Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1, Anh Chèo A, sinh năm 1990

Địa chỉ: bản Sèng Láng, xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

2, Chị Tẩn Mý D, sinh năm 1994

Địa chỉ: bản S, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 03 năm 2024 người yêu cầu anh C A P và chị Tẩn M Dao thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Chèo A P1 và chị T Mý Dao kết hôn với nhau vào ngày 30/11/2012, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa anh P1 và chị D là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cuộc sống vợ, chồng sau khi kết hôn không có mâu thuẫn gì, sống hòa thuận và có với nhau 02 người con chung. Đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ, chồng thay đổi nên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra

nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ, chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi, Cuộc sống của vợ, chồng cũng đã được anh, em họ hàng, bố, mẹ các bên hòa giải động viên rất nhiều lần nhưng không có kết quả chung, vợ chồng cũng không thể đưa ra biện pháp gì để khắc phục được đời sống chung của vợ, chồng, hiện tại tình cảm vợ, chồng không còn. Tại phiên họp giải quyết vụ việc dân sự anh **C A P1** và chị **T** Mỹ Dao không đưa ra biện pháp gì để cải thiện được đời sống chung của vợ, việc hòa giải đoàn tụ không thành, anh **P1** và chị **D** đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Điều đó, chứng tỏ rằng anh **P1** và chị **D** chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **C A P1** và chị **Tân Mỹ D**.

[2]. Về con chung: Anh **Chèo A P1** và chị **Tân M** Dao có 02 con chung là cháu **Chèo Tài X**, sinh ngày 10/02/2013 và cháu **Chèo Tài M1**, sinh ngày 08/8/2014. Anh **Chèo A P1** và chị **Tân M** Dao thỏa thuận khi ly hôn: chị **Tân M** Dao là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Chèo Tài M1** cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi và anh **C A P1** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Chèo Tài X** cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Đồng thời cũng như nguyện vọng của các con chung (cháu **Chèo Tài X** có nguyện vọng được sống cùng bố là anh **Chèo A P1** và cháu **C** Tài Minh có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị **Tân M**) nên thỏa thuận giữa anh **C A P1** và chị **Tân M** Dao cần được chấp nhận.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Chèo A P1** và chị **Tân M** Dao không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh **Chèo A P1** và chị **Tân M** Dao tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy Anh **C A P1** và chị **Tân Mỹ D** đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) sinh sống tại **xã T, huyện S** là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn lệ phí Tòa án theo quy định.

2. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Chèo A P1** và chị **Tân M** Dao thuận tình ly hôn.

**1.2.** Về con chung: Anh **Chèo A P2** chị **T Mỹ Dao** có 02 con chung là cháu **Chèo Tài X**, sinh ngày 10/02/2013 và cháu **Chèo Tài M1**, sinh ngày 08/8/2014. Giao cháu **Chèo Tài M1** cho chị **Tân M Dao** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi và giao cháu **Chèo Tài X** cho anh **C A P1** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

Các bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**1.3.** Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Chèo A P1** và chị **Tân M Dao** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**1.4.** Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh **Chèo A P1** và chị **Tân M Dao** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Anh **Chèo A P1** và chị **Tân M Dao** được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Anh Páo. chị Dao;
- UBND xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lê Minh Tuấn**